

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1681/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 08 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện
an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 101/BKH-CN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định 5071/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố, Ủy ban nhân dân quận – huyện thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về phân công công tác các Thành viên Ủy ban nhân dân quận nhiệm kỳ 2016-2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Y tế quận tại Tờ trình số 241/TTr-YT ngày 18 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Ban QLATTP Thành phố,
 - Thường trực Quận ủy;
 - Thường trực HĐND quận,
 - CT và các PCT UBND quận;
 - Chủ tịch UBND 16 phường (để biết);
 - Lưu: VT, PYT, (Đ).
- } (để báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Nghĩa

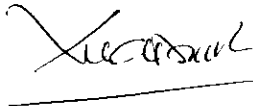


ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH
DỊCH VỤ ĂN UỐNG**

Ngày hiệu lực:/6/2020

Lần ban hành: 01

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)*

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phan Thị Xuân Đào	Phạm Đình Thảo	Nguyễn Hữu Nghĩa
Chữ ký			
Chức vụ	Phó trưởng phòng	Trưởng phòng	Phó Chủ tịch UBND quận Gò Vấp

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP	QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Mã hiệu: QT 01-YT
		Ngày ban hành: /6/2020

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẢN LƯU

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP	QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Mã hiệu: QT 01-YT
		Ngày ban hành: /6/2020

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP	QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Mã hiệu: QT 01-YT'
		Ngày ban hành: /6/2020

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự, trách nhiệm, phương pháp tiếp nhận, xử lý hồ sơ liên quan việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

2. PHẠM VI

Thực hiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn quận.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Điều khoản 8.1, 8.2 và 8.5.1, 8.5.2, 8.5.3, 8.5.4, 8.7, 9.1 tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Các văn bản pháp quy: theo mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HĐND và UBND: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.
- VP HĐND và UBND: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.
- Hồ sơ: Toàn bộ hồ sơ được sắp xếp theo thứ tự như quy định tại mục thành phần hồ sơ.
- GCN CS ĐDK ATTP: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
- GCN: Giấy chứng nhận.
- HS: Hồ sơ.
- TN & TKQ: Tiếp nhận và trả kết quả.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010; 2. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; 3. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP	QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Mã hiệu: QT 01-YT
		Ngày ban hành: /6/2020

	<p>4. Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;</p> <p>5. Căn cứ Quyết định 5071/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm;</p> <p>6. Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố, Ủy ban nhân dân quận – huyện thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm.</p>		
5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01 Phụ lục I quy định tại Nghị định 155/2018/NĐ-CP);	x	
	2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có xác nhận của cơ sở)		x
	3. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	x	
	4. Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (có xác nhận của cơ sở)		x
	5. Danh sách người kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở	x	
5.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
5.4	Thời gian xử lý		
	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP	QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Mã hiệu: QT 01-YT
		Ngày ban hành: /6/2020

5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp
5.6	Lệ phí
	- Phí thẩm định dưới 200 suất ăn: 700.000đ/lần/cơ sở (Bảy trăm nghìn đồng) - Phí thẩm định từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000đ/lần/cơ sở (Một triệu đồng).
5.7	Quy trình xử lý công việc

QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG VIỆC

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả.	Bộ phận TN & TKQ	1,0 ngày	1) BM 01.01 - Giấy biên nhận; 2) BM 02.01 - Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc; 3) Hồ sơ.
B2	Kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ: - Hồ sơ hợp lệ thì tham mưu lãnh đạo phòng văn bản về kết quả thẩm xét HS đạt; - Hồ sơ chưa hợp lệ thì soạn thảo văn bản hướng dẫn cơ sở bổ sung, hoàn thiện HS (chờ cơ sở bổ sung không quá 30 ngày).	Chuyên viên Phòng Y tế	3,0 ngày	1) Hồ sơ B1; 2) BM 03.01- Công văn thẩm xét hồ sơ đạt; 3) hoặc BM 04.01- Công văn hướng dẫn cơ sở bổ sung, hoàn thiện HS.
B3	- Hồ sơ đạt: ký Công văn thẩm xét HS; - Hồ sơ không đạt: Ký Công văn hướng dẫn cơ sở bổ sung, hoàn thiện HS.	Lãnh đạo Phòng Y tế	0,5 ngày	Hồ sơ B2.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP	QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Mã hiệu: QT 01-YT
		Ngày ban hành: /6/2020

B4	<ul style="list-style-type: none"> - HS đạt: chuyển HS cho Đoàn thẩm định; - HS chưa đạt: chuyển trả HS và công văn hướng dẫn cơ sở bổ sung, hoàn thiện cho Bộ phận TN & TKQ 	Văn thư Phòng Y tế	0,5 ngày	Hồ sơ B3.
B5	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở - Chuyên bộ phận thụ lý HS đã thẩm định 	Đoàn Thẩm định	15,0 ngày	<ul style="list-style-type: none"> 1) Hồ sơ B4; 2) BM 05.01 - Biên bản thẩm định; 3) Giấy tờ có liên quan (nếu có).
B6	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thẩm định đạt: In GCN; - Kết quả thẩm định chưa đạt: trong thời hạn 30 ngày cơ sở phải khắc phục đầy đủ các điều kiện an toàn thực phẩm và có Báo cáo khắc phục gửi về Phòng Y tế để Đoàn thẩm định đánh giá kết quả khắc phục (trong thời gian 5 ngày làm việc). - Kết quả không đạt: Tham mưu lãnh đạo UBND quận công văn giám sát và gửi cho UBND phường nơi cơ sở trú đóng theo dõi việc ngưng hoạt động. 	Chuyên viên Phòng Y tế	1,0 ngày	<ul style="list-style-type: none"> 1) Hồ sơ B5; 2) BM 06.01- Giấy chứng nhận (đạt); 3) Hoặc BM 07.01 - Công văn giám sát (không đạt).
B7	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đạt: ký tắt GCN CS ĐDK ATTP; - Hồ sơ không đạt: Ký tắt công văn giám sát. 	Lãnh đạo Phòng Y tế	1,0 ngày	Hồ sơ B6.
B8	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đạt: ký GCN CS ĐDK ATTP; 	Lãnh đạo UBND	2,0 ngày	Hồ sơ B7.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP	QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Mã hiệu: QT 01-YT
		Ngày ban hành: /6/2020

	- Hồ sơ không đạt: Ký công văn giám sát.			
B9	- Chuyển hồ sơ đến VP HĐND - UBND đóng dấu GCN hoặc công văn giám sát. - Chuyển GCN hoặc công văn giám sát cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. - Lưu HS theo quy định.	Văn thư Phòng Y tế	0,5 ngày	1) Hồ sơ B8; 2) BM 08.01- Danh mục tài liệu HS.
B10	- Đối với HS cần bổ sung: trả HS và công văn hướng dẫn cơ sở bổ sung, hoàn thiện cho cơ sở; - Đối với hồ sơ đã thẩm định: trả GCN hoặc công văn giám sát; - Cho cơ sở ký nhận danh sách.	Bộ phận TN & TKQ	0,5 ngày	1) GCN; 2) BM 09.01- Sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả.

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01.01	Giấy biên nhận hồ sơ
2.	BM 02.01	Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc
3.	BM 03.01	Công văn thẩm xét hồ sơ đạt
4.	BM 04.01	Công văn hướng dẫn cơ sở bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
5.	BM 05.01	Biên bản thẩm định
6.	BM 06.01	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
7.	BM 07.01	Công văn giám sát
8.	BM 08.01	Danh mục tài liệu HS
9.	BM 09.01	Sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1.	Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
2.	Giấy biên nhận hồ sơ
3.	Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP	QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Mã hiệu: QT 01-YT
		Ngày ban hành: /6/2020

4.	<i>Hồ sơ giải quyết (biên bản thẩm định, Giấy chứng nhận, hoặc Công văn giám sát)</i>
5.	<i>Số theo dõi tiếp nhận và trả kết quả</i>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1545 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ủy quyền cho Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố,
Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận
cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của
Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư
kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ về việc kéo dài thời gian thí điểm hoạt động của Ban Quản lý
An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố tại
Tờ trình số 729/TTr-BQLATTP ngày 07 tháng 4 năm 2020; ý kiến của Sở Tư pháp
tại Công văn số 5595/STP-VB ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Công văn số
6855/STP-VB ngày 22 tháng 11 năm 2019, ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân
thành phố tại Công văn số 10094/VP-KSTT ngày 30 tháng 10 năm 2019 và của
Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1621/TTr-SNV ngày 29 tháng 4 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sau đây:

1. Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 2. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 3. Điều kiện ủy quyền

1. Bên ủy quyền: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

a) Đảm bảo các nguồn lực và điều kiện cho các cơ quan nhận ủy quyền thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

b) Chỉ đạo Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện các nội dung đã ủy quyền; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tham mưu kế hoạch kiểm tra, thanh tra các nội dung được ủy quyền.

2. Bên nhận ủy quyền:

a) Việc thực hiện các công việc được ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực được ủy quyền và phù hợp với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành; không được ủy quyền lại cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền tại Quyết định này; phổ biến, công khai cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố biết về quy trình và thủ tục hành chính có sự thay đổi này.

b) Cơ quan, đơn vị được ủy quyền phải thực hiện đúng nội dung đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được ủy quyền. Đồng thời, được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền.

c) Chuẩn bị các nguồn lực để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

d) Chấp hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra về các nội dung được ủy quyền.

Điều 4. Thời gian ủy quyền

Việc ủy quyền được thực hiện kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực cho đến hết ngày 01 tháng 4 năm 2023.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố:

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện các nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ ủy quyền nêu tại Điều 1 và Khoản 2 Điều 3 Quyết định này theo quy định pháp luật và tổ chức thông tin rộng rãi các nội dung được ủy quyền cho các tổ chức, cá nhân được biết.

b) Tổ chức sắp xếp, bố trí các nguồn lực để thực hiện các nội dung đã được ủy quyền.

c) Xây dựng dự toán kinh phí hoạt động hàng năm theo quy định pháp luật.

d) Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung đã được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền gửi Sở Nội vụ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc kịp thời có văn bản gửi Sở Nội vụ để tổng hợp và phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến chỉ đạo.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện các nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ ủy quyền nêu tại Điều 2 và Khoản 2 Điều 3 Quyết định này theo quy định pháp luật và tổ chức thông tin rộng rãi các nội dung được ủy quyền cho các tổ chức, cá nhân được biết.

b) Tổ chức sắp xếp, bố trí các nguồn lực để thực hiện các nội dung đã được ủy quyền.

c) Xây dựng dự toán kinh phí hoạt động hàng năm theo quy định của pháp luật.

d) Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung đã được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền gửi Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố và Sở Nội vụ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc kịp thời có văn bản báo cáo gửi Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố tổng hợp và phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến chỉ đạo.

3. Giám đốc Sở Nội vụ

Giúp Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện các nội dung ủy quyền tại Quyết định này.

4. Giám đốc Sở Tài chính

Tổng hợp dự toán kinh phí của cơ quan, đơn vị được ủy quyền trình Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ và hướng dẫn việc thanh, quyết toán theo quy định.

Điều 6. Thay đổi về pháp lý liên quan đến nội dung được ủy quyền

1. Trường hợp các văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc có xung đột pháp lý về thẩm quyền giải quyết công việc được ủy quyền nêu tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này thì thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật hiện hành đã được sửa đổi, bổ sung.

2. Trường hợp Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm thường xuyên rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh (nếu có) nội dung ủy quyền để đảm bảo phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố, thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Sở Tư pháp; Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nội vụ (03b);
- Kho bạc Nhà nước TP;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Phòng VX, TH, KSTT;
- Lưu: VT (VX-VP). 20

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Phong

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố tại Tờ trình số 2844/TTr-BQLATTP ngày 15 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính thay thế và 10 thủ tục hành chính bãi bỏ (trong đó có 06 thủ tục hành chính bãi bỏ do được thay thế) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.vn/portral/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2019.

Bãi bỏ các nội dung công bố liên quan đến thủ tục: B.2, B.3, B.4, B.5, B.6, B.7, C.2, C.3, C.4, C.5 được ban hành kèm theo Quyết định số 3449/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc

công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- TTUB: CT;
- VPUB: PCVP/VX;
- TT Tin học; TT Công báo;
- Lưu: VT, KSTT/L. 07.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong



**MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 507/UQĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý An toàn thực phẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. An toàn thực phẩm trong lĩnh vực Công Thương						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đủ và hợp lệ	Ban Quản lý An toàn thực phẩm (18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1)	- Phí thẩm định kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/ lần/ cơ sở - Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm. 2.500.000 đồng/ lần/ cơ sở	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương. - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của	1. Trình tự thực hiện: - Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm đăng ký hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm. - Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm gồm: + Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế nhỏ hơn các cơ sở quy định tại điểm a Khoản 1, Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT gồm rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bánh kẹo, bột và tinh bột. + Cơ sở bán buôn, bán lẻ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					<p>Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. - Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 4501/QĐ-BCT ngày 05/12/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương 	<p>thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn thành phố; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng 1 địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT + Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP <p>2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p> <p>3. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban Quản lý an toàn thực phẩm.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	<p>- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực (tương tự trường hợp đề nghị cấp lần đầu): 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p> <p>- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt</p>	Ban Quản lý An toàn thực phẩm (18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1)	<p>- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Không thu phí</p> <p>- Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: + Phí thẩm định kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/ lần/ cơ sở + Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/ lần/ cơ sở</p> <p>- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ</p>	<p>- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương. - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức</p>	<p>1. Trình tự thực hiện: - Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm đăng ký hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm. - Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm gồm: + Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế nhỏ hơn các cơ sở quy định tại điểm a Khoản 1, Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT gồm rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bánh kẹo, bột và tinh bột. + Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn thành phố; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định pháp luật. + Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng 1 địa</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</p> <p>-Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</p>		<p>sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không thu phí</p> <p>-Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không thu phí</p>	<p>thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.</p> <p>- Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 4501/QĐ-BCT ngày 05/12/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương</p>	<p>điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.</p> <p>+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p> <p>3. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p>
II. An toàn thực phẩm trong lĩnh vực Y tế						
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố (18 Cách Mạng Tháng Tám, phường	<p>- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>- Đối với cơ sở sản xuất khác: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở</p>	<p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP trực tiếp đến Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống		Bến Thành, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở - Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở - Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở 	<p>đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm. - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. - Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành 	<p>Bước 2:</p> <p>Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Ban Quản lý An toàn thực phẩm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ</p> <p>Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, Ban Quản lý An toàn thực phẩm tiếp lập đoàn thẩm định hoặc ủy quyền thẩm định và lập Biên bản thẩm định theo Mẫu số 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định này trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Đoàn thẩm định Ban Quản lý An toàn thực phẩm hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ra quyết định thành lập có từ 03 đến 05 người.</p> <p>Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ban Quản lý An toàn thực phẩm cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 15/01/2019 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>	<p>Trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu, Ban Quản lý An toàn thực phẩm thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý địa phương giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>Trường hợp thay đổi tên doanh nghiệp hoặc /và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và quy trình sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và Giấy chứng nhận phải còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi đó đến Ban Quản lý An toàn thực phẩm qua đường bưu điện hoặc tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm.</p> <p>2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p> <p>3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p>

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Mã số TTHC công khai trên CSDL quốc gia về TTHC	Thủ tục hành chính	Văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính
01	HCM-273707	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh, thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)	<p>Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương bãi bỏ Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.</p> <p>(Được thay thế bằng thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm)</p>
02	HCM-273708	Thủ tục cấp lại Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy hoặc do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ mặt hàng kinh doanh)	<p>Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương bãi bỏ Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương</p> <p>(Được thay thế bằng thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm)</p>
03	HCM-273709	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, thay đổi và bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)	<p>Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương bãi bỏ Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương</p> <p>(Được thay thế bằng thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm)</p>

STT	Mã số TTHC công khai trên CSDL quốc gia về TTHC	Thủ tục hành chính	Văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính
04	HCM-273710	Thủ tục cấp lại Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy hoặc do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất)	Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương bãi bỏ Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (Được thay thế bằng thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm)
05	HCM-273693	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức và cá nhân theo Thông tư 47/2014/TT-BYT	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm
06	HCM-273694	Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức và cá nhân theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế)	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm
07	HCM-273695	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm (Được thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống)
08	HCM-273696	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ

STT	Mã số TTHC công khai trên CSDL quốc gia về TTHC	Thủ tục hành chính	Văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính
		sản xuất, kinh doanh thực phẩm	bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm
09	HCM-273697	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm (Được thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống)
10	HCM-273704	Thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ Y TẾ

(Kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ)

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Thực phẩm chức năng	
3	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm	
4	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
5	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	Trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó
6	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ)

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Ngũ cốc	
1	Ngũ cốc	
2	Ngũ cốc đã sơ chế, chế biến (xay xát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt,...)	Trừ các sản phẩm dạng bột, tinh bột và chế biến từ bột, tinh bột.
II	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
1	Thịt dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (nguyên con, pha lọc, cắt lát, mảnh, xay, viên,...)	
2	Phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu,...)	
3	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn của gia súc, gia cầm (khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin...)	Trừ thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
4	Sản phẩm phối chế có chứa thịt (giò, chả, nem, Lạp sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tằm bột, tằm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết,...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do Bộ Công Thương quản lý.
III	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
1	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...)	
2	Phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (da, vây, bóng, mỡ, gan, trứng,... của các loài thủy sản)	
3	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể cả có sử dụng hóa chất phụ gia, chất hỗ trợ chế biến)	Trừ thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
4	Mỡ và dầu có nguồn gốc từ thủy sản được tinh chế hoặc chưa tinh chế dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm có nguồn gốc từ thủy sản do Bộ Y tế quản lý.
5	Sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phồng tôm, cá,	Trừ sản phẩm dạng bánh do Bộ Công Thương quản lý.

	mực,...)	
6	Rong biển, tảo và các sản phẩm sản xuất từ rong biển. tảo dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ rong, tảo do Bộ Y tế quản lý.
IV	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
1	Rau, củ, quả tươi và sơ chế (cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách múi, xay,...)	Trừ các loại rau, củ, quả, hạt làm giống
2	Rau, củ, quả chế biến (lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đóng hộp, tẩm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm đường, bao bột, dịch chiết, nước ép,...)	Trừ các sản phẩm dạng bánh, mứt, kẹo, ô mai và nước giải khát do Bộ Công Thương quản lý.
V	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
1	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư	
2	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến (bóc vỏ, đóng bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược,...)	
3	Các loại thực phẩm phối chế có chứa trứng, bột trứng	Trừ bánh kẹo có thành phần là trứng, bột trứng do Bộ Công Thương quản lý.
VI	Sữa tươi nguyên liệu	
VII	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
1	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng	
2	Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong	
3	Các sản phẩm có chứa mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa	Trừ bánh, mứt, kẹo, đồ uống có mật ong làm nước giải khát do Bộ Công Thương quản lý. Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm do Bộ Y tế quản lý.
VIII	Thực phẩm biến đổi gen	
IX	Muối	
1	Muối biển, muối mỏ	
2	Muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác	
X	Gia vị	
1	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật (bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột, dịch	Trừ gia vị đi kèm sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột (mì ăn liền.